

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 26/03/2021

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP2+GTC1+PVD2+PPD	7:25	0+8+4+2	0+0+0+0		4+10+2+5	0+0+0+0	chuyen 1 GTCl-PPD
2		TD3+CTK3+RCDM	7:25	5+17+0	0+0+0		0+16+6	0+0+0	
3		TD2	7:25	19	0		16	0	
4		P10+VSP01+GTC1	9:25	15+6+0	0+0+0		15+4+3	0+0+0	
5		BK16+PVD2+CTK3	9:25	5+0+13	0+0+0		3+1+18	0+0+0	chuyen 3 pvd2 ctk3
6		TD2	11:15	19	0		13	0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1/đi về trong ngày TD2-3ng, GTC1-3ng,

2/PVD2 3 người đi chuyến 1, chuyển sang CTK3 chuyến 2

FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/03/2021	TO: RP2 - GTC1 - PVD2 - PPD	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: VThắng - CHIẾN - Toan	ETA: 09:30
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN QUANG VINH	GTC1	56	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
2	NHÂM ĐIỆN BIÊN	GTC1					65	NIPI	Vietnamese
3	MISHIN A.	GTC1	39	1	5		103	NIPI	Russian
4	LÊ VĂN LAM	GTC1	43	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HỮU TÂN	GTC1	57	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HỒNG MINH	GTC1	58-59	2	15		68	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN BÁC	GTC1	38	1	12		60	KH-THAC	Vietnamese
8	HA VĂN CẢNH	GTC1	41	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGO TRUNG LUYEN	GTC1	40	1	3		75	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN MẠNH TUNG	PVD2	96	1	10		81	YTE	Vietnamese
11	BUI KIẾN ĐỨC	PVD2	97	1	17	25	90	NHATHAU	Vietnamese
12	LÂM HOÀNG PHÚC	PVD2	98-99	2	17		100	NHATHAU	Vietnamese
13	BẠCH ANH TUÂN	PVD2	94-95	2	10		67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	PPD	72	1	12		63	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ XUÂN THĂNG	PPD	73	1	5	70	72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

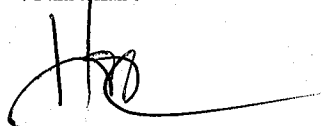
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	0	0	0	0	50	4		CHUYEN 01 PAX TU GTC1 SANG PPD
2	GTC1	9	9	59	660	0	10		
3	PVD2	4	6	54	338	25	2		
4	PPD	2	2	17	135	70	5		
TOTAL		15	17	130	1.133	145	21		
WEIGHT KG				130	1.133	145			

GRAND TOAL: 1.408 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: TD3 - CTK3 - RCDM	CREW: Hôi - Linh - DTùng	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN XUÂN CUÔNG	TD3	56	1	13	65	72	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN KHANH HUNG	TD3	57	1	8		70	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN NGỌC KHOA	TD3	55	1	9		85	CODIEN	Vietnamese
4	PHẠM HOANG	TD3	53-54	2	9		62	CODIEN	Vietnamese
5	PANKRATOV	CTK3	37	1	15	70	100	ANTOAN	Russian
6	NGUYỄN TRỌNG HIẾN	CTK3	32	1	2		69	HVJOC	Vietnamese
7	BOGDANOV	CTK3	19	1	8		76	KH-THAC	Russian
8	TRỊNH QUỐC HUY	CTK3	20	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN SAU	CTK3	36	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ CÔNG KHANG	CTK3	24	1	6		55	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM VĂN DƯ	CTK3	29	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐÌNH QUYẾT	CTK3	17	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TIẾN DUNG	CTK3	38	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TRỌNG LINH	CTK3	23	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN BA HUỆ	CTK3	31	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ THANH CHUNG	CTK3	22	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN XUÂN HÈ	CTK3	30	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN VĂN KHUÔNG	CTK3	18	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐÀM VĂN THANH	CTK3	34-35	2	19		69	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN MINH KHÔI	CTK3	33	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI HỮU HUÂN	CTK3	21	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	4	5	39	289	65	0		
2	CTK3	17	18	111	1.200	70	16		
3	RCDM	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		21	23	150	1.489	135	22		
WEIGHT KG				150	1.489	135			

GRAND TOAL: 1.774 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 622	ETD: 07:37
FLIGHT: 3	TO: TD2	CREW: Hoài - KIÊN	ETA: 10:47
Vang -1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KRAMARENKO V.V	TD2	12	1	2		65	D-HANH	Russian
2	FOK S.I	TD2	11	1	3		120	D-HANH	Russian
3	ĐINH TRUNG KIÊN	TD2					74	D-HANH	Vietnamese
4	BUI VAN CHINH	TD2				70	82	KHOAN	Vietnamese
5	BUI HUU HONG	TD2					85	KHOAN	Vietnamese
6	HOANG VAN BAC	TD2					80	KHOAN	Vietnamese
7	NGO VAN BAC	TD2	01	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
8	BUI NGOC DO	TD2	03	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
9	DO VAN CUONG	TD2	06	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG DINH THANG	TD2	02	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
11	TRINH QUANG HUY	TD2					72	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN KHAC HOP	TD2	13	1	14		75	MINH VIET	Vietnamese
13	PHAN QUANG HOA	TD2	10	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
14	KIEU XUAN TAM	TD2	08	1	2		78	KH-THAC	Vietnamese
15	DAO DUY TU	TD2	05	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
16	LE HONG QUANG	TD2	04	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
17	DANG VAN TRONG	TD2	07	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN TRUNG KIEN	TD2					66	KH-THAC	Vietnamese
19	VU DUY DUNG	TD2	09	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	19	13	62	1.413	70	16		
TOTAL		19	13	62	1.413	70	16		
WEIGHT KG				62	1.413	70			

GRAND TOAL: 1.545 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

Fuel: 2100 kg (Lam).

FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/03/2021	TO: P10 - VSP01 - GTC1	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: VThắng - CHIẾN - Toan	ETA: 11:40
XANH-2			

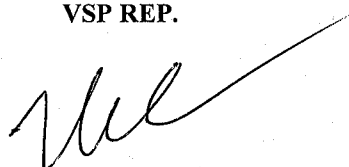
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG ĐIệp PHI	P10					78	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN TRỌNG THUY	P10					67	KHOAN	Vietnamese
3	CAO ĐÌNH THANH	P10					60	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN HẬU	P10	04	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
5	NHÂM ĐỨC QUANG	P10	06	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN ĐỨC DỤC	P10	10	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN HỮU NAM-PVD	P10	05	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HUYNH	P10	03	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN TIẾN HÒA	P10	08	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ XUÂN TUYẾN	P10					62	KHOAN	Vietnamese
11	NG. XUÂN QUANG-PVDT	P10	07	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN MINH HÙNG	P10	02	1	6		56	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ HỮU HÙNG	P10	11	1	11		78	KHOAN	Vietnamese
14	ĐO NGỌC DUYỀN	P10	09	1	15		75	DVL	Vietnamese
15	LƯU VĂN ĐIệp	P10	12	1	5		66	NPI	Vietnamese
16	GRICHENKOV Y. V.	VSP01	07	1	10	3	82	KH-THAC	Russian
17	KHUAT NGOC THANG	VSP01	09-10	2	14	133	74	SEAMAP	Vietnamese
18	DƯƠNG QUỐC HUY	VSP01	11-12	2	15		65	SEAMAP	Vietnamese
19	NGUYỄN XUÂN PHU	VSP01	01	1	6	50	55	BASON	Vietnamese
20	PHẠM MINH DỤC	VSP01	02	1	2		59	BASON	Vietnamese

FLIGHT PLAN

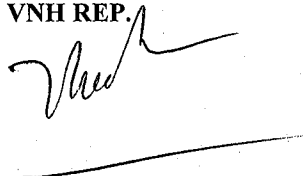
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	15	11	67	1.039	0	15		
2	VSP01	5	7	47	335	186	4		
3	GTC1	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		20	18	114	1.374	186	22		
WEIGHT KG				114	1.374	186			

GRAND TOAL: 1.674 KGS

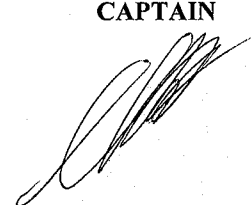
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	TO: BK16 - PVD2 - CTK3	CREW: Hôi - Linh - DTùng	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG VĂN HỘI	BK16	38	1	8		59	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN VĂN HÙNG	BK16					80	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ MINH THĂNG	BK16	37	1	3	40	63	KH-THAC	Vietnamese
4	LƯU ĐỨC TUÂN	BK16					88	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ CANH HÙNG	CTK3	51	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN QUỐC KHIÊM	CTK3					90	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ TRUNG KIẾN	CTK3	47	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TỬ THĂNG	CTK3	44	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH HAI	CTK3	45	1	2		57	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ MINH ĐỨC	CTK3	53	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN NHAN KHANH	CTK3	46	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN MẠNH HÙNG	CTK3	54	1	7	90	78	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ HỮU HÀ	CTK3	43	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐỖ HỮU ĐỨC	CTK3	48	1	5		88	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐỖ VĂN BÌNH	CTK3	52	1	2		77	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN MUỐI	CTK3	49	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN SƠN HÀ	CTK3	50	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	4	2	11	290	40	3		CHUYỂN 3 PAX PVD2 SANG CTK3
2	PVD2	0	0	0	0	0	1 + 3		
3	CTK3	13	12	53	928	90	18		
TOTAL		17	14	64	1.218	130	22		
WEIGHT KG				64	1.218	130			

GRAND TOAL: 1.412 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 622	ETD: 11:20
FLIGHT: 6	TO: TD2	CREW: HLONG - MMinh	ETA: 14:30
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THANH HAI	TD2	53	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
2	KIỀU TUẤN ANH	TD2	70	1	5		90	DVL	Vietnamese
3	TRẦN VĂN NGHĨA	TD2	71	1	12		87	DVL	Vietnamese
4	ĐẶNG QUỐC ĐẠT	TD2	69	1	8		74	DVL	Vietnamese
5	LƯU ĐÌNH TRỌNG	TD2	63	1	8	17	77	DVL	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC BAO	TD2	66-67	2	18		81	DVL	Vietnamese
7	LƯU BA XÔ	TD2	64	1	8	3	81	DVL	Vietnamese
8	PHẠM XUÂN HÙNG	TD2	68	1	11		67	DVL	Vietnamese
9	VŨ NGỌC TIỀN	TD2	61	1	7	30	73	DVL	Vietnamese
10	LÊ NGỌC ANH	TD2	59	1	5		74	GETRACO	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC QUÝ	TD2	60	1	5		66	GETRACO	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN TRUYỀN	TD2	56	1	9		75	GETRACO	Vietnamese
13	PHẠM HÙNG SƠN	TD2	55	1	3		57	YTE	Vietnamese
14	ĐỖ ĐẶNG THANH	TD2	52	1	3		66	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN QUANG	TD2	14	1	3		62	PSV	Vietnamese
16	HOANG VĂN CÔNG	TD2	54	1	3		57	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	TD2	58	1	5		68	PVD	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC HIỆU	TD2	72	1	8		67	PVD	Vietnamese
19	VÔ TUẤN MẠNH	TD2	57	1	5		66	PVD	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	19	20	131	1.366	50	13		
TOTAL		19	20	131	1.366	50	13		
WEIGHT KG				131	1.366	50			

GRAND TOAL: 1.547 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN